XÂY DỰNG CHUẨN ĐẦU RA CHO KHỐI NGÀNH ĐẠI HỌC SƯ PHẠM - GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO ĐÁP ỨNG NHU CẦU XÃ HỘI

ThS. BÙI VĂN HÙNG*

Abstract: *This article has refers to the necessity of building graduation requirements for pedagogical universities. These requirements must be applied in the universities as well as schools where teachers are teaching. This measure contributes to improve the quality of training teachers to meet 21st century demands in their working and personal lives.*

Keywords: *Pedagogical University, graduation requirements, to meet the needs of society.*

Chất lượng đào tạo (ĐT) của các khối ngành đại học sư phạm (ĐHSP) ở nước ta hiện nay đang là mối quan tâm lớn của toàn xã hội. Thực trạng chất lượng sinh viên (SV) sư phạm (SP) của một số cơ sở ĐT sau khi ra trường không đảm bảo yêu cầu đổi mới và nâng cao chất lượng dạy học (DH) đáp ứng nhu cầu xã hội; trình độ và năng lực (NL) giáo dục (GD), DH còn lạc hậu với thực tế DH ở phổ thông. Đây là một trở ngại lớn đối với công cuộc đổi mới căn bản và toàn diện nền GD nước nhà, bởi lẽ đội ngũ trí thức trong ngành GD là một trong những yếu tố quyết định cho thành công của Chiến lược phát triển GD 2011-2020.

1. Bất cập trong thực trạng ĐT và sử dụng giáo viên (GV)

Thực tế hiện nay, chất lượng GD không đáp ứng được yêu cầu về chất lượng nguồn lực cho xã hội. SV nói chung và SV SP nói riêng sau khi tốt nghiệp không đáp ứng được yêu cầu công việc là đánh giá chung của các đơn vị sử dụng trong thời gian qua. Theo *Sách trắng* năm 2014 của Phòng Thương mại châu Âu tại Việt Nam (Euro Cham), tỉ lệ các công ti nước ngoài phải tiến hành ĐT lại đối với nguồn nhân lực nội địa luôn ở mức từ 40% đến 50%. Riêng với các khối ngành ĐHSP - được xem như chiếc "máy cái", là nơi tạo ra những nhà giáo - lực lượng chính tạo nên nguồn nhân lực cho xã hội cũng nằm trong tình trạng tương tự, đó là chất lượng GV được ĐT không đáp ứng được yêu cầu của thực tế DH.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng này: chương trình, nội dung DH lạc hậu, phương pháp DH lỗi thời, đơn điệu, chú trọng vào dạy lí thuyết, ít thực hành, cơ sở vật chất thiếu thốn, đội ngũ GV chưa được quan tâm thỏa đáng; bên cạnh đó, việc cho phép quá nhiều cơ sở ĐT SV SP nên dẫn đến tình trạng thừa nguồn cung, chất lượng ĐT không đồng đều, SV tốt nghiệp khó tìm việc làm; một tất yếu kéo theo là số lượng và chất lượng đầu vào của SV SP ngày càng thấp... ngành học không còn tính cạnh tranh khách quan mà chủ yếu dựa vào những ưu đãi tạm thời, mang tính ngắn hạn với một số đối tượng nhất định; và đặc biệt là sự thiếu gắn kết giữa cơ sở ĐT và nơi sử dụng nguồn lực sau ĐT. Bên ĐT cứ ĐT theo những gì mình có, bên sử dụng nhân lực lại tuyển dụng những người mình cần; không có "mẫu số chung" cho một "sản phẩm" của hai bên. Nói cách khác, có thể hiểu, các khối ngành ĐT vẫn ĐT theo *chuẩn đầu ra* (CĐR), nhưng chuẩn đó chỉ đơn thuần là chuẩn do bản thân cơ sở ĐT xây dựng, còn chuẩn về NL mà đơn vị sử dụng lại không "đồng dạng" với chuẩn ĐT của các trường.

Thực trạng trên đặt ra yêu cầu phải tạo nên sự thống nhất về *chuẩn nguồn lực* giữa bên cung ứng và bên sử dụng nguồn lực, nói cách khác là chúng ta cần có một CĐR phù hợp giữa các khối ngành ĐHSP và các khối ngành phổ thông.

2. CĐR và xây dựng CĐR cho khối ngành SP

2.1. Chuẩn đầu ra (learning out comes/outcome-based) là thuật ngữ được dùng khá phổ biến ở nhiều trường đại học trên thế giới.

Có nhiều cách hiểu khác nhau về CĐR, ở đây chỉ bàn đến CĐR trong lĩnh vực GD và ĐT. Riêng trong lĩnh vực GD và ĐT, CĐR cũng được tiếp cận dưới nhiều góc độ khác nhau ("chuẩn" theo tiếp cận nội dung, "chuẩn" theo tiếp cận mục tiêu, "chuẩn" theo tiếp cận NL và phẩm chất...). Theo Công văn số 2196/BGDĐT-GDĐH ngày 22/4/2010 của Bộ GD-ĐT, CĐR là quy định về nội dung kiến thức chuyên

* Trường Đại học Vinh

môn; kĩ năng thực hành, khả năng nhận thức công nghệ và giải quyết các vấn đề; công việc mà người học có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp và các yêu cầu đặc thù khác đối với từng trình độ, ngành ĐT. Như vậy, khi nói đến CĐR là nói đến "chuẩn" đã được thống nhất giữa cơ sở ĐT và đơn vị sự dụng nguồn nhân lực.

CĐR được xây dựng trên cơ sở kết hợp giữa mô hình nhân cách GV với mô hình hoạt động nghề nghiệp tương lai của SV SP. Xây dựng được CĐR giúp người học biết được mình phải đạt được những NL gì khi kết thúc khóa ĐT nghề nghiệp, từ đó xây dựng kế hoạch học tập, rèn luyện cho bản thân. Do đó, khi xây dựng CĐR phải hướng đến Chuẩn nghề nghiệp GV trung học phổ thông. Trong nhà trường SP, SV SP được chuẩn bị về mọi mặt để có được NL của GV. Việc xây dựng CĐR sẽ đem lại rất nhiều lợi ích cho các khối ngành ĐHSP. Trước tiên, việc công bố CĐR sẽ giúp cơ quan quản lí nhà nước cũng như dư luận xã hội, phụ huynh, người học khối ngành đó giám sát chất lượng. Đây là một quan điểm mới của giám sát chất lượng ĐT trong các nhà khối ngành hiện nay và là một trong những giải pháp góp phần nâng cao chất lượng ĐT của từng cơ sở ĐT và toàn ngành, là cam kết của các cơ sở GD đại học về chất lượng ĐT với xã hội, về NL của người học sau khi tốt nghiệp đại học. Nhiều quốc gia trên thế giới đã tiến hành xây dựng các bộ Chuẩn cho GV. Bộ tiêu chuẩn bao gồm các tiêu chuẩn dành cho GV nói chung, các tiêu chuẩn nghề, các tiêu chuẩn dành cho GV từng bộ môn, bậc học, và các tiêu chuẩn cho SV tốt nghiệp...

Trước những chỉ thị và định hướng như vậy, các khối ngành ĐHSP đã tiến hành xây dựng và công bố CĐR cho các lĩnh vực ĐT. Có khoảng 40/600 khối ngành ĐH, CĐ trên toàn quốc đưa ra cơ sở CĐR khi ĐT nhưng chỉ là hình thức, lí thuyết. Bên cạnh đó, nhiều khối ngành còn lúng túng trong việc xây dựng quy tắc CĐR. Nhiều ý kiến cho rằng, CĐR hiện nay mới chỉ là chuẩn của chương trình ĐT chứ chưa được xây dựng theo nhu cầu xã hội.

2.2. CĐR cho khối ngành SP. Có nhiều mức độ CĐR khác nhau, ở đây chúng tôi chỉ đề cập đến Khung CĐR cho khối ngành SP ĐT GV trung học phổ thông, là những yêu cầu về phẩm chất và NL chung cho tất cả các ngành ĐT GV. Khung CĐR bao gồm 8 tiêu chuẩn và 38 tiêu chí như sau:

- Tiêu chuẩn 1: Phẩm chất chính trị đạo đức. Gồm 3 tiêu chí: phẩm chất chính trị; trách nhiệm công dân; đạo đức nghề nghiệp.

- Tiêu chuẩn 2: NL tìm hiểu người học và môi trường khối ngành GD. Gồm 5 tiêu chí: NL tìm hiểu cá nhân người học; NL tìm hiểu tập thể lớp; NL tìm hiểu môi trường; NL tìm hiểu môi trường gia đình; NL tìm hiểu môi trường xã hội.

- Tiêu chuẩn 3: NL GD. Gồm 9 tiêu chí: NL GD qua DH môn học; NL tổ chức và phát triển tập thể lớp; NL tổ chức các hoạt động GD ngoài giờ lên lớp; NL giải quyết các tình huống SP; NL GD học sinh có hành vi không mong đợi; NL đánh giá kết quả GD; NL tư vấn và tham vấn; NL phối hợp với các lực lượng GD trong và ngoài nhà trường; NL xây dựng, quản lí và sử dụng hồ sơ GD.

- Tiêu chuẩn 4: NL DH. Gồm 9 tiêu chí: kiến thức khoa học liên môn, bổ trợ, nền tảng; kiến thức, kĩ năng môn học sẽ dạy ở phổ thông; NL phát triển chương trình môn học; NL vận dụng phương pháp, phương tiện và hình thức tổ chức DH bộ môn; NL DH phân hóa; NL DH tích hợp; NL lập và thực hiện kế hoạch DH; NL kiểm tra, đánh giá kết quả học tập; NL xây dựng, quản lí và sử dụng hồ sơ DH.

- Tiêu chuẩn 5: NL giao tiếp. Gồm 3 tiêu chí: NL giao tiếp ngôn ngữ và phi ngôn ngữ; NL giao tiếp trong các mối quan hệ xã hội; NL giao tiếp với học sinh.

- Tiêu chuẩn 6: NL đánh giá trong GD. Gồm 3 tiêu chí: NL tổ chức đánh giá trong GD; NL thiết kế công cụ đánh giá kết quả GD; NL sử dụng các phần mềm hỗ trợ đánh giá

- Tiêu chuẩn 7: NL hoạt động xã hội. Gồm 3 tiêu chí: NL tham gia các hoạt động xã hội; NL vận động người khác tham gia các hoạt động xã hội; NL tổ chức các hoạt động xã hội.

- Tiêu chuẩn 8: NL phát triển nghề nghiệp. Gồm 3 tiêu chí: NL tổ chức đánh giá trong GD; NL thiết kế công cụ đánh giá kết quả GD; NL sử dụng các phần mềm hỗ trợ đánh giá

Trên cơ sở những tiêu chuẩn và tiêu chí này, các cơ sở ĐT sẽ xác định những yêu cầu về kiến thức và về thái độ hành vi cụ thể. Đây sẽ là cơ sở để tiếp tục xây dựng CĐR cho các ngành học khác nhau.

* * *

Tóm lại, xây dựng CĐR cho khối các khối ngành ĐHSP là rất cần thiết và phải được thực hiện theo những tiêu chuẩn, tiêu chí cụ thể, có sự thống nhất, phù hợp giữa các khối ngành SP cũng như sự thống nhất giữa các cơ sở ĐT và đơn vị sử dụng. Trên cơ sở những tiêu chuẩn và tiêu chí chung cho khối ngành

(Xem tiếp trang 96)

đầu tư thời gian, kinh phí. Nhưng để giáo dục ĐH đào tạo ra nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển KT-XH trong giai đoạn mới, các nhà hoạch định chính sách, các nhà trường và GV phải dành ưu tiên thích đáng cho KT-ĐG thực này. Để thực hiện được kiểu "ĐG thực" trong phạm vi toàn trường, người lãnh đạo phải thể hiện quyết tâm của mình, hỗ trợ GV, SV thay đổi cách dạy, cách học, loại bỏ cách KT-ĐG theo những mục tiêu hạn hẹp, lạc hậu. Đổi mới KT-ĐG phải bắt đầu từ việc xác lập những mục tiêu học tập gắn chặt với đời sống thực, từ đó phát triển đội ngũ, đổi mới chương trình, tài liệu học tập. Đây là công việc khó, phải tiến hành trong thời gian dài, tốn nhiều công sức, nhưng cần thiết phải bắt đầu.

* * *

Tóm lại, khâu KT-ĐG SV hiện nay cần được đổi mới theo hướng gắn liền với chuẩn và đo lường được kết quả học tập, giáo dục học sinh, thực hiện được các nhiệm vụ của dạy học và giáo dục. ĐG phải hướng vào việc xem xét khả năng hiểu, khả năng tư duy và vận dụng kiến thức và thực tiễn của SV chứ không nên chỉ đơn thuần kiểm tra trí nhớ. ĐG phải có khả năng thúc đẩy, tạo nên hứng thú học tập, khuyến khích quá trình học tập và giảng dạy của GV; tránh trở thành quá tải và hình thành một hình thức "học tủ" đối với SV. Bên cạnh đó, việc kết hợp các phương pháp ĐG truyền thống và phương pháp ĐG mới cũng rất cần được nghiên cứu và phối hợp sự dụng hiệu quả, có như vậy mới hình thành được sức mạnh tổng hợp trong việc đào tạo nguồn nhân lực đạt chuẩn theo yêu cầu của thời kì mới. ❑

Tài liệu tham khảo

[1] Nguyễn Đức Chính. *Đánh giá thực kết quả học tập trong giáo dục đại học và đào tạo nguồn nhân lực* VNH3.TB14.586 Đại học Quốc gia Hà Nội.

[2] Nguyễn Phụng Hoàng (1996). *Phương pháp kiểm tra, đánh giá thành quả học tập*. NXB Giáo dục.

[3] Trần Bá Hoành (1991) *Đánh giá trong giáo dục*. Bộ GD-ĐT. Chương trình giáo dục đại học, Hà Nội.

[4] Trần Thị Tuyết Oanh (2004). *Đánh giá trong giáo dục*. NXB Đại học Sư phạm.

[5] Thomas A. Angels, K Prtricia cross. *Classroom Assessment Techniques.* San Fransisco 1993. 2. Authentic Asessment Toolbook. Created by Jon Mueller.

[6] Eval L.Baker, Pamela R. aschbacher, David Niemi and Edynn Sato (1992). *Cretsst Performance assessment models: asessing content area explaination.* US Education Deparment.

Thực trạng và giải pháp trong kiểm tra...

(Tiếp theo trang 104)

Đổi mới KT, ĐG kết quả học tập của SV là khâu quan trọng trong quá trình dạy và học. KT, ĐG kết quả học tập của SV theo hướng tiếp cận năng lực là một yêu cầu cấp thiết để đáp ứng *Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam* do Bộ GD-ĐT ban hành. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện cần phối hợp các phương pháp, kĩ thuật KT, ĐG khác nhau để góp phần đạt được mục tiêu của học phần hay khóa học, tạo hứng thú cho người học. ❑

Tài liệu tham khảo

[1] Nguyễn Như Ý (chủ biên) (1998). *Đại từ điển tiếng Việt*. NXB Văn hóa - Thông tin.

[2] Hồ Sỹ Anh (2013). *Tìm hiểu về kiểm tra, đánh giá học sinh và đổi mới kiểm tra, đánh giá theo hướng tiếp cận năng lực*. Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, số 50/2013, tr 131-143.

[3] Arthur Hughes (1989). *Testing for language teacher*. Cambridge University Press.

[4] Tim McNamara (2000). *Language testing*. Oxford University Press.

[5] Thomas A. Angelo - K. Patricia Cross (1993). *Classroom Assessment Techniques: A Handbook for College Teachers*. Jossey - Bass Publishers, San Francisco.

Xây dựng chuẩn đầu ra...

(Tiếp theo trang 98)

SP, các cơ sở ĐT sẽ căn cứ vào thực tiễn để xây dựng CĐR cho các ngành ĐT và các môn học; có như vậy mới tạo nên được hiệu quả thiết thực cho việc nâng cao chất lượng ĐT SV SP, đáp ứng yêu cầu DH trong thời kì mới. ❑

Tài liệu tham khảo

[1] Bộ GD-ĐT - Ngân hàng Phát triển châu Á (2013). *Chuẩn đầu ra trình độ đại học khối ngành sư phạm đào tạo giáo viên trung học phổ thông*. NXB Văn hóa - Thông tin.

[2] Bùi Minh Hiền (2006). *Quản lí giáo dục*. NXB Đại học Sư phạm.

[3] Đoàn Thị Minh Trinh - Nguyễn Hội Nghĩa (2014). *Hướng dẫn thiết kế và phát triển chương trình đào tạo đáp ứng chuẩn đầu ra.* NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

[4] National Board For Professional Teaching Standard (2001). *Professional Teaching Standard.*

[5] Edward E. Lawler III, (1994). *Motivation in work Organizations*. Jossey - Bass Pucblisher San Francisco.